

V/v hướng dẫn các chỉ tiêu
của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới
thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Sở Khoa học và Công nghệ,
giai đoạn 2026 -2030

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Bru điện tỉnh Gia Lai;
- Viettel Gia Lai; VNPT Gia Lai; MobiFone Gia Lai.

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Hướng dẫn số 3781/HD-BKHCN ngày 01/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Hướng dẫn số 3930/HD-BKHCN ngày 05/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện 02 nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt danh sách xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm

vì quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Nội dung hướng dẫn

1.1. Nội dung tiêu chí “2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng và cung cấp internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất”.

1.2. Nội dung tiêu chí “7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn”.

1.3. Nội dung tiêu chí “7.4. Có mô hình thôn thông minh”.

(Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo).

2. Tổ chức thực hiện

2.1. UBND các xã, phường¹

- UBND các xã, phường chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; lộ trình xây dựng nông thôn mới tiến hành rà soát, đánh giá, phấn đấu đạt các chỉ tiêu nêu trên.

- Chủ trì tổ chức rà soát, tự đánh giá các tiêu chí trên địa bàn.

- Chủ động phối hợp với Bưu điện tỉnh và doanh nghiệp viễn thông để khắc phục các nội dung chưa đạt.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hồ sơ minh chứng.

2.2. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông

- Cung cấp số liệu hiện trạng hạ tầng, dịch vụ, thuê bao theo đề nghị của UBND các xã, phường và Sở Khoa học và Công nghệ; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu cung cấp.

- Xây dựng phương án đầu tư hạ tầng viễn thông tại các khu vực lõm sóng, chưa có internet băng rộng; ưu tiên các xã, phường trong lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Bưu điện tỉnh Gia Lai rà soát, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị tại các điểm phục vụ bưu chính công cộng bảo đảm đáp ứng điều kiện của tiêu chí 7.1; bố trí nhân viên hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

¹ UBND các xã, phường theo Quyết định số 545/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt danh sách xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ, đề nghị UBND các xã, phường, Bưu điện tỉnh Gia Lai, các doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (p/h);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, P.CĐS&BCVT



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Hồ Hoài Nam

PHỤ LỤC

Nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Công văn số /SKHCN-CĐS&BCVT ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

I. Tiêu chí 2.6: Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất (Tiêu chí 2.6. Phụ lục I, Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg):

1. Tiêu chí chung: Đạt.

Xã có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất đáp ứng được các điều kiện sau:

1.1. 100% các thôn² trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất.

1.2. 100% các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất.

1.3. Dịch vụ viễn thông, internet hiện có trên địa bàn xã, phường phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Điều kiện đạt đối với từng nhóm xã: các nhóm xã 1, 2, 3 đáp ứng các điều kiện nêu trên.

3. UBND xã, phường triển khai thực hiện

- Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, internet và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng viễn thông, internet trên địa bàn; xác định các khu vực chưa được phủ sóng, chưa được cung cấp dịch vụ internet hoặc có chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân, doanh nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trên cơ sở kết quả rà soát, tổng hợp danh mục các khu vực lõm sóng, vùng chưa có internet hoặc có tốc độ truy nhập thấp để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền và doanh nghiệp viễn thông xây dựng phương án đầu tư, nâng cấp hạ tầng.

² Việc xác định “thôn” căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. “Vùng sản xuất” được quy định tại pháp luật chuyên ngành lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và quy định tại Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ NN&MT phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

- UBND xã, phường tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông, internet trong quá trình khảo sát, xây dựng, lắp đặt, nâng cấp và vận hành hạ tầng mạng lưới trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- UBND xã, phường chủ động phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên triển khai kết nối internet băng rộng đến các nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, trường học, trạm y tế, hợp tác xã, tổ hợp tác và các vùng sản xuất tập trung.

4. Hồ sơ minh chứng cần chuẩn bị

- Rà soát hiện trạng hạ tầng viễn thông, internet đến khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất (Biểu mẫu 01).

- Văn bản hoặc tài liệu xác nhận của doanh nghiệp viễn thông về khả năng cung cấp dịch vụ, số liệu liên quan trên địa bàn.

- Các tài liệu liên quan khác phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá, thẩm định.

II. Tiêu chí: Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn (Tiêu chí 7.1. Phụ lục I, Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg):

1. Tiêu chí chung: Đạt.

Xã có điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn là xã có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng có khả năng hỗ trợ phục vụ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng được các điều kiện sau:

1.1. Về cơ sở vật chất

a. Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. Có treo biển tên điểm phục vụ. Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.

b. Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 04 giờ/ngày làm việc, trừ ngày lễ, tết³.

c. Về thiết bị tại điểm bưu chính hỗ trợ phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến

- Có ít nhất một trong các thiết bị: máy vi tính, máy vi tính xách tay, máy tính bảng hoặc thiết bị đầu cuối có tính năng tương đương; có kết nối máy quét hoặc thiết bị đầu cuối có tính năng tương đương để quét hồ sơ, tài liệu; được kết nối internet băng rộng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu.

³ Thời gian phục vụ (tại điểm bưu chính) căn cứ: Khoản 1.3.4 QCVN 141:2025/BKHCN (ban hành kèm theo Thông tư số 49/2025/TT-BKHCN) quy định "Ngày làm việc" là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết). Trường hợp có quy định về việc làm bù thì những ngày làm bù được coi là ngày làm việc.

- Yêu cầu kỹ thuật đối với máy vi tính, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, máy quét, thiết bị đầu cuối phải đáp ứng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu của máy tính và một số thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số.

- Thiết bị đầu cuối hỗ trợ người dân, doanh nghiệp có khả năng thực hiện được các chức năng, tính năng cơ bản của Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

1.2. Về dịch vụ bưu chính

Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ thư cơ bản có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg.
- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 10 kg.

2. Điều kiện đạt đối với từng nhóm xã: các nhóm xã 1, 2, 3 đáp ứng các điều kiện nêu trên.

3. UBND xã, phường triển khai thực hiện

- Rà soát điểm phục vụ bưu chính công cộng trên địa bàn và xác nhận tình trạng hoạt động của điểm bưu chính; phối hợp bố trí địa điểm thuận lợi và tạo điều kiện để điểm bưu chính thực hiện hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất của điểm phục vụ; việc niêm yết giờ làm việc, biển hiệu, thông tin dịch vụ.

- Tuyên truyền để người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích.

- Chuẩn bị hồ sơ chứng minh và phối hợp đoàn kiểm tra.

4. Hồ sơ minh chứng cần chuẩn bị

- Rà soát điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn (Biểu mẫu 02).

- Hình ảnh biển hiệu, khu vực phục vụ; Bảng niêm yết thời gian phục vụ; Danh mục dịch vụ bưu chính đang cung cấp.

- Hình ảnh hoặc biên bản kiểm tra trang thiết bị (máy tính, máy quét, Internet).

- Hình ảnh hoặc tài liệu chứng minh việc hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

III. Tiêu chí: Có mô hình thôn thông minh (Tiêu chí 7.4. Phụ lục I, Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg):

1. Tiêu chí chung: Có ít nhất 01 mô hình thôn thông minh.

Mô hình thôn thông minh đáp ứng được các điều kiện sau:

1.1. 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu với 90% người sử dụng có thể truy nhập internet cố định, tốc độ trung bình tối thiểu 200 Mb/s.

1.2. Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số trên địa bàn.

1.3. Có điểm truy cập số cộng đồng: Nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tại thôn có kết nối internet cáp quang băng rộng.

1.4. Tối thiểu 90% số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn⁴.

1.5. Có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng. Người dân trong thôn được phổ biến, tập huấn kỹ năng số tối thiểu 01 lần/năm.

Ngoài ra, thôn thông minh cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện áp dụng chung đối với thôn theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền hướng dẫn tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Điều kiện đạt đối với từng nhóm xã như sau

- Đối với xã nhóm 1, nhóm 2: có tối thiểu 01 mô hình và đáp ứng các điều kiện trên.

- Đối với xã nhóm 3: Khuyến khích các xã, phường xây dựng 01 mô hình thôn thông minh theo nội dung trên.

3. Nội dung triển khai thực hiện

Việc xây dựng mô hình thôn thông minh phải được thực hiện theo kế hoạch cụ thể của địa phương, gắn với mục tiêu phát triển hạ tầng số, nâng cao kỹ năng số cho người dân và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong đời sống, sản xuất, kinh doanh, góp phần thực hiện chuyển đổi số toàn diện tại khu vực nông thôn, cụ thể:

a) Về hạ tầng số

- Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng viễn thông, internet trên địa bàn thôn; phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng lưới, bảo đảm tối thiểu 90% người sử dụng có khả năng truy nhập internet cố định với tốc độ trung bình tối thiểu 200 Mb/s và mạng băng rộng di động 5G phủ sóng tối thiểu 99% dân số trên địa bàn thôn.

⁴ Số thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn là thuê bao được xác định có thời gian phát sinh lưu lượng nhiều nhất tại thôn đó. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (chỉ sử dụng cho xác định tiêu chí thôn thông minh) là thuê bao sử dụng thiết bị điện thoại có khả năng truy nhập dịch vụ internet từ 3G trở lên.

- Nhà văn hóa hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn phải được kết nối Internet cáp quang băng rộng và có điểm truy cập số cộng đồng phục vụ người dân khai thác, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số và dịch vụ công trực tuyến.

b) Về phổ cập thiết bị số và kỹ năng số

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân sử dụng điện thoại thông minh, internet và các nền tảng số trong học tập, lao động, sản xuất và đời sống; tối thiểu 90% thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn sử dụng điện thoại thông minh.

- Thành lập và duy trì hoạt động hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng; tổ chức phổ biến, hướng dẫn hoặc tập huấn kỹ năng số cho người dân tối thiểu 01 lần/năm nhằm nâng cao khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số thiết yếu.

c) Về ứng dụng số trong cộng đồng

- Khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, chăm sóc sức khỏe và tiếp cận thông tin.

- Ưu tiên triển khai tại thôn thông minh các ứng dụng số phục vụ quản lý cộng đồng (sử dụng nền tảng IgiaLai để phản ánh hiện trường,...); an ninh (camera giám sát an ninh, trật tự xã hội theo phương án của Quyết định số 502/QĐ-TTg ngày 28/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ); du lịch (có điểm du lịch được số hóa); sản xuất nông nghiệp thông minh (Nhật ký sản xuất điện tử, truy xuất nguồn gốc bằng QR Code,...); quảng bá sản phẩm địa phương trên môi trường và ứng dụng công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương,

d) UBND xã, phường có trách nhiệm

- Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, UBND xã lựa chọn ít nhất 01 thôn để triển khai xây dựng mô hình thôn thông minh (có lộ trình cụ thể để bảo đảm xã về đích nông thôn mới theo kế hoạch của tỉnh); tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện và huy động các nguồn lực hợp pháp để triển khai các nội dung của mô hình.

- Thành lập hoặc kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Phối hợp doanh nghiệp viễn thông bảo đảm hạ tầng số.
- Tổ chức phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân.
- Xây dựng kế hoạch duy trì và phát triển mô hình sau khi được công nhận.
- Khuyến khích lựa chọn thôn có khả năng triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

4. Hồ sơ minh chứng cần chuẩn bị

- Kế hoạch xây dựng thôn thông minh của UBND xã.

- Báo cáo kết quả thực hiện mô hình thôn thông minh (Biểu mẫu 03).
- Văn bản hoặc tài liệu xác nhận của doanh nghiệp viễn thông về hạ tầng cáp quang, vùng phủ sóng 5G và chất lượng dịch vụ trên địa bàn thôn.
- Quyết định thành lập hoặc kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng thôn.
- Tài liệu chứng minh nhà văn hóa hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng được kết nối Internet cáp quang băng rộng và hình ảnh điểm truy cập số cộng đồng.
- Danh sách, tài liệu, hình ảnh hoặc báo cáo kết quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân và danh sách người tham gia tập huấn kỹ năng số.
- Hình ảnh hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Văn bản của doanh nghiệp viễn thông cung cấp số liệu các chỉ tiêu.
- Ảnh chụp, biên bản xác nhận điểm truy cập số cộng đồng có kết nối internet cáp quang băng rộng.
- Các tài liệu liên quan khác phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá và thẩm định.

PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU RÀ SOÁT HIỆN TRẠNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Công văn số 2784/SKHCN-CĐS&BCVT ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

BIỂU MẪU 01
RÀ SOÁT HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG VIỄN THÔNG, INTERNET ĐẾN KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN, VÙNG SẢN XUẤT
(Tiêu chí 2.6)

Xã/phường: Tổng số thôn: Tổng số vùng sản xuất:

ST T	Tên thôn/vùng sản xuất	Số hộ	Dịch vụ điện thoại (đánh dấu X)			Dịch vụ truy nhập Internet (đánh dấu X)			Tự đánh giá (Đạt/Ch ưa đạt)	Khu vực lôm sống, chưa có internet, cần đầu tư
			Cố định mặt đất	Di động mặt đất	Chưa có	Băng rộng cố định	Băng rộng di động	Chưa có		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
...										
	Tổng cộng									

Ghi chú:

- Việc xác định "thôn" căn cứ khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; "vùng sản xuất" xác định theo pháp luật chuyên ngành lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Một thôn được đánh giá "Đạt" khi có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất 01 loại dịch vụ điện thoại và ít nhất 01 loại dịch vụ truy nhập internet; dịch vụ hiện có phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

3. Tiêu chí 2.6 của xã chỉ đạt khi 100% số thôn đạt và vùng sản xuất được phủ sóng, internet.
4. Số liệu hiện trạng phải có xác nhận của doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ trên địa bàn.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20.....
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BIỂU MẪU 02
RÀ SOÁT ĐIỂM BƯU CHÍNH PHỤC VỤ CÔNG CỘNG VÀ CHÍNH QUYỀN SỐ TẠI ĐỊA BÀN
(Tiêu chí 7.1)

Xã/phường: Tổng số điểm phục vụ bưu chính công cộng hiện có:

STT	Nội dung điều kiện	Mức đạt chuẩn theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ	Hiện trạng (mô tả cụ thể)	Tự đánh giá (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
Thông tin chung					
1	Tên điểm phục vụ, địa chỉ	Có ít nhất 01 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng			
2	Doanh nghiệp quản lý, loại hình điểm phục vụ	Bưu cục/điểm Bưu điện - Văn hóa xã/hình thức khác			
1. Về cơ sở vật chất					
3	Mặt bằng, trang thiết bị	Phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương			
4	Biển tên điểm phục vụ	Có treo biển tên điểm phục vụ			
5	Niêm yết thông tin	Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng			
6	Thời gian mở cửa phục vụ	Tối thiểu 04 giờ/ngày làm việc (thứ Hai - thứ Sáu, trừ ngày lễ, tết)			
2. Về thiết bị hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến					
7	Máy vi tính/máy tính xách tay/máy tính bảng hoặc thiết bị đầu cuối tương đương	Có ít nhất 01 thiết bị; cấu hình đáp ứng hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ			
8	Máy quét hoặc thiết bị có	Có kết nối, quét được hồ sơ, tài liệu			

	tính năng tương đương				
9	Kết nối internet băng rộng	Có; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu			
10	Khả năng sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Thực hiện được các chức năng, tính năng cơ bản			
11	Nhân viên hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Có bố trí nhân viên hỗ trợ			
3. Về dịch vụ bưu chính					
12	Dịch vụ thư cơ bản có địa chỉ nhận	Khối lượng đơn chiếc đến 02 kg			
13	Dịch vụ gói, kiện hàng hóa	Khối lượng đơn chiếc đến 10 kg			
Kết luận chung về tiêu chí 7.1		Đạt khi có ít nhất 01 điểm phục vụ đáp ứng đồng thời các điều kiện nêu trên			

Ghi chú: Kèm theo biểu mẫu này: ảnh chụp biển tên điểm phục vụ, bảng niêm yết giờ mở cửa và danh mục dịch vụ; bảng kê thiết bị (máy tính, máy quét, đường truyền Internet); xác nhận của doanh nghiệp bưu chính.

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP BƯU CHÍNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm 20.....
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BIỂU MẪU 03
RÀ SOÁT HIỆN TRẠNG MÔ HÌNH THÔN THÔNG MINH
(Tiêu chí 7.4)

Xã/phường: Nhóm xã:

Thôn được lựa chọn xây dựng mô hình: Tổng số hộ: Tổng số nhân khẩu:

STT	Chỉ tiêu	Mức đạt chuẩn	Hiện trạng	Tự đánh giá (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
1	Khả năng tiếp cận cáp quang của hộ gia đình	100% số hộ có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu	%		
2	Truy nhập internet cố định	90% người sử dụng truy nhập được internet cố định, tốc độ trung bình tối thiểu 200 Mb/s	% người, Mb/s		
3	Phủ sóng băng rộng di động 5G	Phủ sóng 99% dân số trên địa bàn	%		
4	Điểm truy cập số cộng đồng	Nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tại thôn có kết nối internet cáp quang băng rộng	Tên điểm:		
5	Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Tối thiểu 90% trên tổng số thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn	Số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng số thuê bao =%		
6	Tổ công nghệ số cộng đồng	Có thành lập và duy trì hoạt động	Quyết định số ngày; số thành viên:		
7	Phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân	Tối thiểu 01 lần/năm	Số lần:; số người tham dự:		
8	Các tiêu chí, điều kiện áp dụng chung đối với thôn	Đáp ứng đầy đủ theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền			

Kết luận chung về tiêu chí 7.4	Đạt khi đáp ứng đồng thời các chỉ tiêu từ 1 đến 8			
---------------------------------------	--	--	--	--

Ghi chú:

1. Số thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn là thuê bao được xác định có thời gian phát sinh lưu lượng nhiều nhất tại thôn đó. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh là thuê bao sử dụng thiết bị điện thoại có khả năng truy nhập dịch vụ internet từ 3G trở lên.
2. Kèm theo biểu mẫu này: quyết định thành lập, kiện toàn tổ công nghệ số cộng đồng; kế hoạch, danh sách, hình ảnh tập huấn kỹ năng số; ảnh chụp điểm truy cập số cộng đồng.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)